

Bản án số: **67/2026/DS-ST**

Ngày 31-3-2026

*V/v Tranh chấp hợp đồng sử dụng
thẻ tín dụng*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 –ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Thu Thủy;

2/ Ông Huỳnh Đức Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh P – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7-Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 –Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Võ Như Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 –Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 86/2025/TLST - DS ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2026/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 02 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (TPBank).

Địa chỉ: Tòa nhà TPBank, số 57 phố Lý Thường Kiệt, phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Minh P, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Việt C, Giám đốc Trung tâm xử lý nợ Khách hàng cá nhân.

Người được ủy quyền lại: Ông Trần Duy Q, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 460 Nguyễn Hữu Thọ, phường CL, thành phố ĐN tham gia tố tụng (*theo Giấy ủy quyền số 2732/2025/GUQ-TPB.CM ngày 15/7/2025*). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Vĩnh T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 49 Lê Vĩnh Huy, thôn Bình Phước, xã TP, thành phố ĐN. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn ông Trần Duy Q trình bày: Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (gọi tắt là TPBank) đã cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Vĩnh T căn cứ theo Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng TPBank kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 15/7/2024, các điều kiện, điều khoản sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TPBank và các văn bản có liên quan khác của ông Nguyễn Vĩnh T ký với Ngân hàng TPBank về việc sử dụng thẻ tín dụng. Cụ thể:

Ngày cấp: 15/7/2024; hạn mức thẻ tín dụng: 100.000.000 đồng; loại thẻ: Thẻ Đa năng Quốc tế TPBank Visa Flash 2in1; Lãi suất (trong hạn và quá hạn), Phí: Theo các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TPBank.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày 18/11/2024 đến ngày 01/3/2025, tổng số tiền ông Nguyễn Vĩnh T đã giao dịch, sử dụng bằng thẻ là 100.000.000 đồng. Số tiền ông Nguyễn Vĩnh T thanh toán cho TPBank là 5.367.580 đồng, trong đó tiền gốc là 5.167.573 đồng; lãi, phí là 200.007 đồng.

Từ ngày 15/01/2025, ông Nguyễn Vĩnh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ông Tú đã không thanh toán đầy đủ cho Ngân hàng TPBank theo thông báo giao dịch hàng tháng mặc dù Ngân hàng TPBank đã làm việc, gửi thông báo nhắc nhở nhưng ông Tú vẫn không hợp tác. Từ ngày 01/4/2025, Ngân hàng TPBank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của ông Nguyễn Vĩnh T sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 31/3/2026, ông Nguyễn Vĩnh T còn nợ Ngân hàng TPBank các khoản sau:

Nợ gốc thẻ: 94.832.427 đồng; nợ lãi (bao gồm trong hạn và quá hạn): 66.585.534 đồng.

Tổng cộng: **161.217.954** (một trăm sáu mươi một triệu, hai trăm mười bảy nghìn, chín trăm năm mươi bốn) đồng.

Ngân hàng TPBank yêu cầu:

- Buộc ông Nguyễn Vĩnh T thanh toán cho Ngân hàng TPBank tổng số tiền còn nợ là 161.217.954 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Vĩnh T tiếp tục trả lãi phát sinh theo thỏa thuận tại Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 15/7/2024 và các văn bản kèm theo cho đến khi ông Nguyễn Vĩnh T thanh toán hết nợ.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn ông Nguyễn Vĩnh T không đến Tòa, không giao nộp văn bản ý kiến cũng như không giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan vụ việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và hướng giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng

xét xử nghị án là đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đảm bảo, bị đơn là chưa đảm bảo.

Về hướng giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (TPBank) khởi kiện, yêu cầu ông Nguyễn Vĩnh T trả số tiền còn nợ phát sinh từ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng, do ông Nguyễn Vĩnh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận là đảm bảo quyền khởi kiện, điều kiện khởi kiện. Theo các tài liệu do Ngân hàng TPBank giao nộp, tại thời điểm ký kết hợp đồng thẻ tín dụng, bị đơn Nguyễn Vĩnh T cư trú tại khối phố Bình Phước, thị trấn Tiên Kỳ, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam nay là thôn Bình Phước, xã TP, thành phố ĐN, đến thời điểm thụ lý không có tài liệu nào về địa chỉ cư trú hiện tại của bị đơn. Căn cứ Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 –Đà Nẵng thụ lý, giải quyết vụ án “Tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng” là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Duy Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Nguyễn Vĩnh T đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bị đơn đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của bị đơn do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1.1] Giao dịch dân sự cung cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng cá nhân, loại hình Thẻ Đa năng Quốc tế TPBank Visa Flash 2in1 được ký kết giữa Ngân hàng TPBank và ông Nguyễn Vĩnh T có hình thức bằng văn bản có tiêu đề “Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng sử dụng thẻ” ngày 15/7/2024, các chủ thẻ ký kết tự nguyện, đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do vậy, giao dịch dân sự cung cấp tín dụng theo hình thức thẻ tín dụng đã ký kết không vi phạm các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự.

[2.1.2] Nội dung thỏa thuận giao dịch dân sự thẻ tín dụng giữa hai bên, cụ thể, chi tiết tại văn bản “Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế TPBank”, theo đó quy định chi tiết về lãi suất cho vay, cách tính lãi cũng như các loại phí, khoản phạt khi phát hành và sử dụng thẻ.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày 18/11/2024 đến ngày 01/3/2025, tổng số tiền ông Nguyễn Vĩnh T đã giao dịch, sử dụng bằng thẻ là 100.000.000 đồng. Số tiền ông Nguyễn Vĩnh T thanh toán cho TPBank là 5.367.580 đồng, trong đó tiền gốc là 5.167.573 đồng; lãi, phí là 200.007 đồng.

Từ ngày 01/4/2025, Ngân hàng TPBank đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của ông Nguyễn Vĩnh T sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 31/3/2026, ông Nguyễn Vĩnh T còn nợ Ngân hàng TPBank số tiền **161.217.954** (một trăm sáu mươi một triệu, hai trăm mười bảy nghìn, chín trăm năm mươi bốn) đồng, trong đó: Nợ gốc thẻ: 94.832.427 đồng; nợ lãi (bao gồm trong hạn và quá hạn): 66.585.534 đồng.

Như vậy, bị đơn Nguyễn Vĩnh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán như thỏa thuận, nên việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Vĩnh T thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP là **161.217.954** (một trăm sáu mươi một triệu, hai trăm mười bảy nghìn, chín trăm năm mươi bốn) đồng, trong đó: Nợ gốc thẻ: 94.832.427 đồng; nợ lãi (bao gồm trong hạn và quá hạn): 66.585.534 đồng.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 429 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP về việc “*Tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng*”.

- Buộc ông Nguyễn Vĩnh T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP số tiền tính đến ngày 31/3/2026 là **161.217.954** (một trăm sáu mươi một triệu, hai trăm mười bảy nghìn, chín trăm năm mươi bốn) đồng, trong đó: Nợ gốc thẻ: 94.832.427 đồng; nợ lãi (bao gồm trong hạn và quá hạn): 66.585.534 đồng.

- Buộc ông Nguyễn Vĩnh T tiếp tục trả lãi phát sinh cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP theo mức lãi suất thỏa thuận tại Đơn đề nghị phát hành thẻ tín dụng TPBank kèm hợp đồng sử dụng thẻ ngày 15/7/2024, văn bản “Điều kiện và điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế TPBank” tính từ ngày 31/3/2026 đến khi trả xong.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Vĩnh T phải chịu là 8.060.897 (*tám triệu, không trăm sáu mươi nghìn, tám trăm chín mươi bảy*) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **3.615.000** (ba triệu, sáu trăm mười lăm nghìn) đồng theo Biên lai thu số 0003499 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND khu vực 7 - Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Thanh Hải